

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/DS-ST

Ngày: 14/10/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tú Phương

2. Ông Trần Văn Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử công khai vụ án thụ lý số 336/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2021/QĐST - DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

Địa chỉ: Số 40- 42- 44, đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Võ Tấn Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp Nội Ô, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đồng bị đơn:* Ông Nguyễn MĐ, sinh năm 1983 và bà Ong Thị T, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Ấp Phước Hòa A, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh Võ Tấn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn MĐ, bà Ong Thị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Võ Tấn Đạt trình bày:

Ngày 26/12/2019 ông Nguyễn MĐ và bà Ong Thị T ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A955954/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP Kiên Long, Phòng giao dịch PL Bạc Liêu để vay số tiền 15.000.000đ với mục đích mua bán, lãi suất trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay 180 ngày. Thỏa thuận trả gốc và lãi hàng ngày từ ngày 27/12/2019 đến ngày 24/6/2020, số tiền trả mỗi ngày 89.896 đồng, ngày cuối là 92.296 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay, bà Triều và ông Đức đã cầm cố cho Ngân hàng xe gắn máy hiệu HAYATE, biển kiểm soát 94E1-038.75, số máy F4E4-205633, số khung 4EM0B0105633. Ngân hàng TMCP KL đã giải ngân cho ông Đức và bà Triều bằng hình thức nhận tiền mặt vào ngày 26/12/2020. Từ ngày giải ngân đến ngày 05/5/2020, ông Đức và bà Triều đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.688.128 đồng (trong đó gốc 10.833.333 đồng và lãi 854.795 đồng). Do hợp đồng đã đến hạn thanh toán nhưng ông Đức, bà Triều không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc và tạo điều kiện để ông Đức, bà Triều trả nợ, tuy nhiên ông Đức, bà Triều vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản tại Hợp đồng cho vay đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP KLyêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn MĐ và bà Ong Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/10/2021 là 5.429.680 đồng (trong đó tiền gốc là 4.166.667 đồng, tiền lãi trong hạn là 328.767 đồng, tiền lãi quá hạn là 934.247 đồng). Đồng thời kể từ ngày 15/10/2021, ông Đức, bà Triều phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Ngày 02/3/2021, Ngân hàng TMCP KL có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung không yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là xe gắn máy hiệu HAYATE, biển kiểm soát 94E1-038.75, số máy F4E4-205633, số khung 4EM0B0105633

- Bị đơn ông Nguyễn MĐ và bà Ong Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vẫn còn

vi phạm tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự về việc gửi quyết định đưa vụ án ra xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL. Buộc ông Đức và bà Triều có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền 5.429.680 đồng (trong đó tiền gốc là 4.166.667 đồng, tiền lãi trong hạn là 328.767 đồng, tiền lãi quá hạn là 934.247 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/10/2021 theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày trả hết nợ.

Về án phí: ông Nguyễn MĐ và bà Ong Thị T phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn MĐ và bà Ong Thị T trả số tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, ông Đức và bà Triều đang cư trú trên địa bàn huyện PL nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Ông Đức và bà Triều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh Đạt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh Đạt, ông Đức và bà Triều là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện: Theo Giấy đề nghị vay vốn trả góp ngày 26/12/2019, Ngân hàng TMCP KL- Chi nhánh Bạc Liêu - Phòng giao dịch PL đã cho ông Đức và bà Triều vay theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A955954/HĐTD-CC với số tiền 15.000.000đ với mục đích mua bán, lãi suất trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay 180 ngày, gốc và lãi được trả hàng ngày kể từ ngày 27/12/2019 đến ngày 24/6/2020. Để bảo đảm cho khoản vay, ngoài tín chấp thì ông Đức và bà Triều đã cầm cố cho Ngân hàng xe gắn máy HAYATE, biển kiểm soát 94E1-038.75, số máy F4E4-205633, số khung 4EM0B0105633. Ngân hàng TMCP KL đã giải ngân ông Đức và bà Triều bằng hình thức nhận tiền mặt vào ngày 26/12/2019. Ông Đức và bà Triều đã được Tòa án thông báo về việc Ngân hàng khởi kiện nhưng ông Đức và bà Triều không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của Ngân hàng. Như vậy, việc ông Đức và bà Triều có vay tiền của Ngân hàng TMCP KL là thực tế có xảy ra.

[3] Theo hợp đồng thì ông Đức và bà Triều có nghĩa vụ phải trả số tiền gốc và tiền lãi hàng ngày kể từ ngày 27/12/2019 đến ngày 24/6/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày giải ngân đến ngày 05/5/2020, ông Đức và bà Triều đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.688.128 đồng (trong đó gốc 10.833.333 đồng và lãi 854.795 đồng) thì ngưng không trả nợ cho đến nay. Do ông Đức và bà Triều không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, nay Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu ông Đức và bà Triều phải trả nợ gốc còn lại và lãi là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Ông Đức và bà Triều vay số tiền gốc 15.000.000đ đã trả được số tiền của hợp đồng là 11.688.128 đồng, do đó, buộc ông Đức và bà Triều có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP KL số tiền gốc còn lại của hợp đồng là 4.166.667 đồng. Đối với lãi theo hợp đồng tín dụng thì lãi suất trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, ông Đức và bà Triều và Ngân hàng có thỏa thuận lãi suất khi ký hợp đồng tín dụng, ông Đức và bà Triều không trả nợ theo thỏa thuận thì ông Đức và bà Triều phải chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất đã thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng TMCP KL yêu cầu ông Đức và bà Triều phải trả tiền lãi tính đến ngày 14/10/2021 với tiền lãi trong hạn là 328.767 đồng, tiền lãi quá hạn là 934.247 đồng của hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kiên Long, buộc ông Đức và bà Triều có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP KL số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 14/10/2021 là 5.429.680 đồng (trong đó tiền gốc là 4.166.667 đồng, tiền lãi trong hạn là 328.767 đồng, tiền lãi quá hạn là 934.247 đồng). Đồng thời kể từ ngày 15/10/2021, ông Đức và bà Triều phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

[6] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] về án phí: Ông Đức và bà Triều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng TMCP KL không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL đối với ông Nguyễn MĐ và bà Ong Thị T. Buộc ông Nguyễn MĐ và bà Ong Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền 5.429.680 đồng (trong đó tiền gốc là 4.166.667 đồng, tiền lãi trong hạn là 328.767 đồng, tiền lãi quá hạn là 934.247 đồng)

Kể từ ngày 15/10/2021 ông Nguyễn MĐ và bà Ong Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

2. Về án phí: Ông Nguyễn MĐ và bà Ong Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP KL đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009729 ngày 25/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được nhận lại.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm